

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K4 NĂM 2015

Tháng 3 năm 2015

Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.500* 10%)	Thành tiền	Ghi chú
101	7	508	516	8	12.650	101.200	
102	8	557	569	12	12.650	151.800	
103	8	294	300	6	12.650	75.900	
104	8	420	428	8	12.650	101.200	
105	8	429	432	3	12.650	37.950	
106	6	439	451	12	12.650	151.800	
107	PSHC					0	
108						0	
109	8	444	452	8	12.650	101.200	
110	8	428	443	15	12.650	189.750	
111	8	653	662	9	12.650	113.850	
112	8	438	444	6	12.650	75.900	
113	8	490	511	21	12.650	265.650	
114	0	376	376	0	12.650	0	
201	6	461	471	10	12.650	126.500	
202	8	586	595	9	12.650	113.850	
203	8	580	589	9	12.650	113.850	
204	5	814	819	5	12.650	63.250	
205	0	504	508	4	12.650	50.600	
206	8	570	577	7	12.650	88.550	
207	8	545	566	21	12.650	265.650	
208	8	657	677	20	12.650	253.000	
209	8	647	659	12	12.650	151.800	
210	4 CPC	1069	1090	21	12.650	265.650	
211	8	565	577	12	12.650	151.800	
212	2 CPC	583	595	12	12.650	151.800	
213	8	651	665	14	12.650	177.100	
214	4 CPC	1035	1050	15	12.650	189.750	
301	0	454			12.650	0	
302	7	627	632	5	12.650	63.250	
303	0	590	594	4	12.650	50.600	
304	8	496	505	9	12.650	113.850	
305	8	459	468	9	12.650	113.850	
306	8	515	523	8	12.650	101.200	
307	PSHC				12.650	0	
308					12.650	0	
309	8	580	599	19	12.650	240.350	

310	5	487	494	7	12.650	88.550	
311	8	512	540	28	12.650	354.200	
312	8	594	604	10	12.650	126.500	
313	8	649	664	15	12.650	189.750	
314	8	615	626	11	12.650	139.150	
401	7	457	465	8	12.650	101.200	
402	8	328	361	33	12.650	417.450	
403	8	511	523	12	12.650	151.800	
404	5	412			12.650	0	
405	8	476	491	15	12.650	189.750	
406	8	506	521	15	12.650	189.750	
407	7	418	429	11	12.650	139.150	
408	8	329	338	9	12.650	113.850	
409	8	538	555	17	12.650	215.050	
410	8	643	666	23	12.650	290.950	
411	7	588	606	18	12.650	227.700	
412	8	470	481	11	12.650	139.150	
413	8	503	515	12	12.650	151.800	
414	8	478	486	8	12.650	101.200	
501	0	285	285	0	12.650	0	
502	8	420	431	11	12.650	139.150	
503	8	369	376	7	12.650	88.550	
504	8	360	373	13	12.650	164.450	
505	4	314	321	7	12.650	88.550	
506	7	274	278	4	12.650	50.600	
507	0	307			12.650	0	
508	7	498	504	6	12.650	75.900	
509	8	286	302	16	12.650	202.400	
510	0	415	419	4	12.650	50.600	
511	7	248	252	4	12.650	50.600	
512	8	328	341	13	12.650	164.450	
513	7	286	293	7	12.650	88.550	
514	8	287	296	9	12.650	113.850	
Cộng	432			697		8.817.050	

(Bảng chữ: Tám triệu tám trăm mười bảy nghìn không trăm năm mươi đồng)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV TT DV TỔNG HỢP TỔ KÝ TÚC XÁ NGƯỜI ĐỌC SỐ NGƯỜI LẬP
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG PHÓ GIÁM ĐỐC



ThS. Ngô Xuân Hoà



ThS. Lê Xuân Hưng



Trần Xuân Nam



Dương Văn Thanh



Trần Thị Hà